TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T1** **TỈNH T2**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 33/2024/HS-ST Ngày 12/4/2024	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Quảng.

Ông Trần Văn Hiểu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2024/HSST ngày ngày 05 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định xét xử số 30/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Lương Văn T, sinh ngày 21/8/1991. Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn ĐCN, xã ĐM, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn T3 và bà Lý Thị Đ; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Có 03 tiền án: Bản án số 12 ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt Lương Văn T 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 01/10/2019, T chấp hành xong án phạt tù. Bản án số 42 ngày 08/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện TT xử phạt Lương Văn T 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 16/9/2021, T chấp hành xong án phạt tù. Bản án số 18 ngày 30/3/2022, Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt Lương Văn T 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 25/12/2022, T chấp hành xong án phạt tù; tiền sự: Không; nhân thân: Tháng 9/2009, tham gia nghĩa vụ quân sự đóng quân tại Tiểu Đoàn 162, Trung Đoàn 242, Quân Khu 3 đến ngày 15/01/2011 xuất ngũ về địa phương. Ngày 20/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện T1 áp dụng biện pháp xử lý hành chính "Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc" thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 01; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Anh Vũ Văn Nh, sinh năm 1977, trú tại thôn PL, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1966, trú tại thôn MĐ, xã ĐT; ông Lương Văn T3, sinh năm 1961, trú tại thôn ĐCN, xã ĐM, đều thuộc huyện T1, tỉnh T2 (đều vắng mặt).

- Người làm chứng:

Anh Tô Xuân Tr, sinh năm 1985, trú tại thôn Đ, xã TG; ông Hà Quang D, sinh năm 1966, trú tại thôn AP, xã BH, đều thuộc huyện T1, tỉnh T2 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 07/11/2023, Lương Văn T là đối tượng đang có tiền án về tội Trộm cắp tài sản điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva, màu xanh biển kiểm soát x đi từ nhà đến xã ĐP mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đến khu vực trước cửa nhà anh Vũ Văn Nh, sinh năm 1977, trú tại thôn PL, xã ĐP, huyện T1, T phát hiện 01 con chó thuộc giống lai chó Nhật cảnh Shiba trọng lượng khoảng 05 kg, có bộ lông màu trắng đốm vàng, trên cổ con chó móc một dây vải màu đen dài khoảng 01m của anh Nh nên nảy sinh ý định trộm cắp. T dừng xe cách chỗ con chó khoảng 02m, quan sát xung quanh không có người qua lại, T dùng tay trái cầm một đầu dây để kéo con chó lại gần rồi ngồi lên xe, tay phải T điều khiển xe đi chậm, tay trái cầm một đầu dây dắt con chó chạy theo xe đi về hướng cánh đồng xã ĐP. Khi đến khu vực giữa cánh đồng, T dừng xe lại, dùng hai tay ôm con chó đặt lên gác ba ga xe mô tô rồi điều khiển xe chở con chó đến gạ bán cho ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1966, trú tại thôn MĐ, xã ĐT, huyện T1 (làm nghề mua bán, thịt chó), ông Kh đồng ý mua lại con chó giá 400.000 đồng, T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra bị cáo T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản ngày 18/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản Uỷ ban nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xác định: 01 con chó thuộc giống lai chó Nhật cảnh Shiba, có bộ lông màu trắng đốm vàng, cân nặng khoảng 05 kg trị giá 1.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 28/CT-VKSTH ngày 04/3/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố bị cáo Lương Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý về vật chứng và án phí.

Bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T đều khai nhận: Khoảng 09 giờ, ngày 07/11/2023, tại thôn PL, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản, Lương Văn T (là đối tượng đang có tiền án về tội trộm cắp tài sản) đã trộm cắp 01 con chó thuộc giống lai chó Nhật cảnh Shiba, có bộ lông màu trắng đốm vàng trị giá 1.000.000 đồng của anh Vũ Văn Nh, trú tại thôn PL, xã ĐP, huyện T1 mang bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp và được chứng minh bằng: Đơn trình báo và lời khai của người bị hại; Sơ đồ hiện trường và biên bản khám nghiệm hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 lập ngày 13/12/2023 tại thôn PL, xã ĐP, huyện T1; Bản Kết luận định giá tài sản ngày 18/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản Uỷ ban nhân dân huyện T1 xác định: 01con chó thuộc giống lai chó Nhật cảnh Shiba, có bộ lông màu trắng đốm vàng, cân nặng khoảng 05 kg trị giá 1.000.000 đồng; Biên bản ghi lời khai của người có quyền và nghĩa vụ liên quan; Biên bản ghi lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Như vậy, vào sáng ngày 07/11/2023, lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản, Lương Văn T (là đối tượng đang có tiền án về tội trộm cắp tài sản) đã trộm cắp của anh Vũ Văn Nh 01 con chó thuộc giống lai chó Nhật cảnh Shiba, có bộ lông màu trắng đốm vàng trị giá 1.000.000 đồng, mục đích để tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo Lương Văn T đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố bị cáo Lương Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173: Tội trộm cắp tài sản quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Lương Văn T đã có hành vi lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể quan trọng được luật hình sự bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong nhân dân. Bị cáo Lương Văn T có nhân thân xấu, là người có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản, đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính "Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc", tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học, tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để giáo dục riêng với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[3.1] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lương Văn T đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy bị cáo là người lao động tự do, không có công việc, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra Lương Văn T đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại là anh Vũ Văn Nh số tiền 1.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền bồi thường, người bị hại không có yêu cầu đề nghị gì nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã quản lý 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva, màu xanh biển kiểm soát x đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của ông Lương Văn T3, sinh năm 1961, trú tại thôn ĐCN, xã ĐM, huyện T1, ông T3 không biết T mượn xe mục đích đi trộm cắp tài sản, ông T3 có đề nghị

trả lại cho ông chiếc xe mô tô trên, xác định đây là tài sản hợp pháp của ông Lương Văn T3, cần trả lại cho ông Lương Văn T3 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Vấn đề khác trong vụ án:

Trong vụ án này có ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1966, trú tại thôn MĐ, xã ĐT, huyện T1 là người đã mua lại con chó của T với giá 400.000 đồng; ông Lương Văn T3, sinh năm 1961, trú tại thôn ĐCN, xã ĐM, huyện T1 là chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva, màu xanh biển kiểm soát x. Tuy nhiên tài liệu điều tra đã xác định khi mua ông Kh không biết con chó T mang đến gạ bán là tài sản do T trộm cắp mà có; ông T3 không biết T mượn xe mục đích đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Văn Kh và ông Lương Văn T3 là có căn cứ.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Xử phạt:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn T 01 (một) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho ông Lương Văn T3, sinh năm 1961, trú tại thôn ĐCN, xã ĐM, huyện T1, tỉnh T2 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva, màu xanh biển kiểm soát x.

T bộ vật chứng có đặc điểm mô tả chi tiết trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T2.

5. Về án phí:

Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Lương Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 12/4/2024; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về vấn đề liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Tòa án nhân dân tỉnh T2;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T2;
- Sở Tư pháp tỉnh T2;
- VKSND huyện T1;
- CA huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Bị cáo;
- Bị hại; người có uyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền